

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/07/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1	406	P6+PVD2+BK14	7:25	13+2+1	0+0+0		16+5+1	0+0+0	

TTBDSX



Ghi chú : 1 NGUOI P2 VE QUA PVD2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2017	TO: P6 - PVD2 - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - THỤ	ETA: 09:10

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN THIÊN	P6	89-91	3	17		55	XAYLAP	Vietnamese
2	LE ĐÌNH THUẬN	P6	400	1	5		77	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM ĐÌNH HÙNG	P6	98	1	13		68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN ĐANG HANH	P6	95	1	8		61	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI TRỌNG TRIU	P6	82	1	19	15	65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRAN	P6	96-97	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN MINH TUAN	P6	87-88	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
8	DUONG SY CHIEN	P6	94	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN GIA HIEU	P6	99	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG MINH HIEU	P6	84	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN CONG QUYNH	P6	92-93	2	18		70	XAYLAP	Thailand
12	NGUYEN TIEN DUNG	P6	85-86	2	13		71	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG LONG	PVD2	54	1	9		65	DVLY	Vietnamese
14	DO TIEN DUNG	PVD2	53	1	3	67	50	DVLY	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LOP	PVD2	51-52	2	9		63	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HUY QUNAG	PVD2	38-39	2	13		79	KHOAN	Vietnamese
17	VU XUAN CHINH	BK14	20	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	12	18	153	786	15	16		
2	PVD2	4	6	34	257	67	5		
3	BK14	1	1	12	63	0	1		
TOTAL		17	25	199	1.106	82	22		
WEIGHT KG				199	1.106	82			

GRAND TOAL: 1.387 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/07/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	RP1+P1	7:25	1+1+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	TRANS 1 PAX Rp1-P1,
2	410	P4+P5+RC3	7:25	10+12+0	0+0+0		6+12+4	0+0+0	
3	846	P7+P11+AMD	7:25	19+1+1	0+0+0		17+0+5	0+0+0	TRANS 2 PAX P7-P11
4	406	P3+IS2+DD8	9:25	12+6+4	0+0+0		11+5+5	0+0+0	
5	410	AMD+RP3	9:25	20+2	0+0		20+2	0+0	
6	846	P2	9:25	22	0		22	0	
7	406	P1+P4+TD1	11:25	7+15+0	0+0+0		4+14+4	0+0+0	TRANS 1 PAX P1-TD1
8	410	TD3+BK3+P4	11:25	18+0+4	0+0+0		5+0+17	0+0+0	TRANS 1 PAX TD3-BK3
9	846	P2+P6	11:25	17+1	0+0		18+4	0+0	
10	406	P8+P7	13:25	10+1	0+0		0+22	0+0	

TPBDSX

Mu

Ghi Chú : 1/ING XNKT RP1 CHUYEN QUA P1 SAU ĐÓ CHUYEN SANG TDI(ttc3). 2/8NG ĐI PVD2 QUA ĐIỂM P2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2017	TO: RP1 - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Thanh - HƯNG - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG DINH VAN	RP1	89	1	7	30	65	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VAN MANH	P1					81	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOAN QUYẾT THẮNG	P1	88	1	7		70	YTE	Vietnamese
4	PHAN MINH KHÁU	P1	97	1	9		59	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN TỰ	P1	85	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG THỌ	P1	19	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN THẮNG	P1	92	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN SĨ DU	P1	87	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	89	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	91	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	86	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI HUY NGHIỆP	P1	98	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	17	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
14	VÌ KHÁC THÀNH	P1	700	1	13		69	KH-THAC	Vietnamese
15	VU DUY KHANH	P1	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LUU VAN TUAN	P1	93	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG TIẾN	P1	95	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO ĐĂNG PHONG	P1	18	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ NGỌC HAI	P1	99	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NÔNG	P1	96	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	90	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	1	1	7	65	30	0+1		CHUYEN 1 PAX TU RP1 SANG P1
2	P1	20	19	124	1.418	0	22		
TOTAL		21	20	131	1.483	30	22		
WEIGHT KG				131	1.483	30			

GRAND TOAL: 1.644 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2017	TO: P4 - P5 - RC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hòì - MTuấn - DKHÁNH	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CHUNG	P4	76-77	2	10		56	YTE	Vietnamese
2	VU MẠNH HA	P4	81	1	5	18	68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN PHONG	P4					77	KH-THAC	Vietnamese
4	VU BAO AN	P4	79	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG VINH	P4	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO VĂN TAM	P4	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LUÔNG HUU HAU	P4	80	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN NGOC TUAN	P4	83	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NHAN HAI	P4	78	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH TUAN	P4	82	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VAN BAC	P5					70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG PHUC	P5	70	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH DUY	P5	76	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN MACH	P5	68	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC THANH	P5	72	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN KHAI	P5	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI VAN BA	P5	75	1	3	70	70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TU LUONG	P5	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VU QUANG HUNG	P5	77-78	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TU VAN SON	P5	71	1	5		67	PSV	Vietnamese
21	ĐAO VĂN THANG	P5	74	1	6		50	PSV	Vietnamese
22	ĐAO XUAN THANH	P5	73	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	10	58	690	18	6		
2	P5	12	12	60	816	70	12		
3	RC3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	22	118	1.506	88	22		
WEIGHT KG				118	1.506	88			

GRAND TOTAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2017	TO: P7 - P11 - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - THỤ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC TUNG	P7	36	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG ANH TUAN	P7	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGHIA TIN	P7	42	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU HUNG	P7	41	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN LOI	P7	44	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRONG AN	P7	38	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	VU VAN HOAN	P7	31	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG VAN QUANG	P7	29	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN THIEN	P7	43	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TRONG THANG	P7	37	1	9	17	60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN QUY HAI	P7	26-27	2	17	80	88	XAYLAP	Vietnamese
12	LE DINH HIEU	P7	05	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN CAO TRI	P7	39-40	2	12		83	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DAU	P7	30	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN KIET	P7	28	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN THANH NAM	P7	34-35	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN VAN DOAN	P7	32	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN DUC	P7					71	PSV	Vietnamese
19	BUI DAC CANH	P7	33	1	6		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG TAN	P11	92	1	10	10	65	PSV	Vietnamese
21	K' LỘC	AMD	08	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	19	21	169	1.317	97	17+2		Chuyển 2 pax từ P7 → P11
2	P11	1	1	10	65	10	0		
3	AMD	1	1	5	71	0	5		
TOTAL		21	23	184	1.453	107	22		
WEIGHT KG				184	1.453	107			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2017	TO: P3 - JS2 - DD8	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Van-Chien - DKHANH	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CUU	P3	82	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
2	DO VAN DAM	P3	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TRUNG CHINH	P3	83-84	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI SY CONG	P3	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN QUOC BINH	P3	85	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
6	LAI DUC BAY	P3	81	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
7	DONG VAN THINH	P3	77	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH TUAN	P3	78-79	2	17		71	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG BA VINH	P3	86	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BA THANH	P3	87	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LUONG	P3	76	1	4		61	GETRACO	Vietnamese
12	PHAM VAN HUU	P3	75	1	4		64	GETRACO	Vietnamese
13	DAO DUC HUNG	JS2				55	58	KH-THAC	Vietnamese
14	VU VAN HIEU	JS2	23	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH PHUC AM	JS2	21-22	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO TUAN HUNG	JS2	25	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
17	Dinh Quang Thai	JS2	29	1	10	15	72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN PHE	JS2	24	1	4		68	PSV	Vietnamese
19	LE NGOC AN	DD8	63	1	5	35	80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC HOAN	DD8	64	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG TRUNG HAU	DD8	65	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DUC QUANG	DD8	66	1	4		95	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	12	14	86	815	0	11		
2	JS2	6	6	44	382	70	5		
3	DD8	4	4	19	303	35	6		
TOTAL		22	24	149	1.500	105	22		
WEIGHT KG				149	1.500	105			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2017	TO: AMD - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hồi - MTuấn - DKHÁNH	ETA: 11:15
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	24	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN THE	AMD	26-28	3	17		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ VĂN SAU	AMD	14	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI NGUYỄN HẢI VI	AMD	18	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGỌC ANH	AMD	15-16	2	9		71	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG LONG	AMD	87-89	3	12		70	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	20	1	11		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐOÀN DUẬN	AMD	13	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THANH NGOAN	AMD	85	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH DŨNG	AMD	12	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI BA HÙNG	AMD	09	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	29	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TẤN ĐẠT	AMD	86	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NHƯ BAO CHUÔNG	AMD	17	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG VIỆT	AMD	19	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG DUY	AMD	21	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO SY DŨC	AMD	25	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN BA KHOA	AMD	22-23	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
20	BRANDON ROBINSON	AMD	10-11	2	14		109	KH-THAC	American
21	PHAM DUY TUNG	RP3	59	1	6		63	H-DONG	Vietnamese
22	HỒ VĂN THANG	RP3	76	1	4		60	H-DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	27	158	1.364	0	20		
2	RP3	2	2	10	123	0	2		
TOTAL		22	29	168	1.487	0	22		
WEIGHT KG				168	1.487	0			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2017	TO: P2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - <i>Tinh</i> - THU	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHOKHLOV	P2	01	1	10		91	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN MANH HUNG	P2	44	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG ĐỨC HIẾU	P2	40	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VIET THANH	P2	37-39	3	14	50	75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH BA ĐÔNG	P2	52-53	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG MINH ĐỨC	P2	43	1	5	22	67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRUONG TUAN KIET	P2	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC THANG	P2	51	1	20	40	85	KH-THAC	Vietnamese
9	VO TUONG UNG	P2	31	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAC ĐỨC HUY	P2	30	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	LUU VAN TU	P2	35	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LE VAN ĐÔNG	P2	32	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG ĐỨC LINH	P2	35	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUU HA	P2	46	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	45	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN PHU HUU	P2	42	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HIẾU	P2	33	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI THỌ DUNG	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO HOANG NAM	P2	41	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
20	SAWIN SWANSON	P2	47-48	2	22		88	AUS	Australian
21	TRAN DOAN HUONG	P2					77	KH-THAC	Vietnamese
22	LY XUAN TRUNG	P2	34	1	4		65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	24	148	1.564	112	22		
	TOTAL	22	24	148	1.564	112	22		
	WEIGHT KG			148	1.564	112			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31-Jul-17	TO: MRM	AIRCRAFT: 610	ETD: 11:00
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Dũng - CÔNG - HTUẤN	ETA: 14:00

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EMAKOV	MRM	19-20	2	10		82	VSP	Russian
2	SHARN SERGEY	MRM					93	VSP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	2	2	10	175	0	TBA		
	TOTAL	2	2	10	175	0	TBA		
	WEIGHT KG			10	175	0			

GRAND TOAL: 185 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31-Jul-17	TO: P1 - P4 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Lbinh - Duong - Thi	ETA: 13:10
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÓ HỮU CHUNG	P1	01	1	4		53	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG YEN	P1	02	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU NGHIA	P1	03	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN HUYEN	P1	06	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TA NGOC NAM	P1	102	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH QUANG TIEN	P1	103-104	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG DUY KHUONG	P1	05	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN KHANH	P4	01	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM KHAC ĐOAN	P4	69	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VU HONG HA	P4	05	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN KHOAI	P4	67-68	2	5		58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN SON	P4	04	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO SY KHOA	P4	74	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
14	HA TAN DUNG	P4	70	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI QUANG SON	P4	66	1	4	20	72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO MẠNH DUNG	P4	02-03	2	7	30	51	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THAI SON	P4	65	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VAN HOANG	P4	71	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HỒNG TRUNG	P4	62	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	64	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI THANH ĐỨC	P4	63	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOAN HONG DUONG	P4	72-73	2	9		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	8	45	468	0	4	4	TRANS 1 PAX P1 SANG TD1
2	P4	15	18	100	995	50	14	14	
3	TD1	0	0	0	0	15	4	4	
TOTAL		22	26	145	1.463	65	22	22	
WEIGHT KG				145	1.463	65			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2017	TO: P2 - P6	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:00
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: LBình - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 15:35
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROMMY DARMAWAN	P2	60-61	2	20		77	KHOAN	Indonesian
2	NGUYEN VAN BINH	P2	66-67	2	20		77	KHOAN	Vietnamese
3	ACHSANU TAWILA	P2	64-65	2	19		77	KHOAN	Indonesian
4	BAREND CRNELIS	P2	62-63	2	20		79	KHOAN	Indonesian
5	LÊ SINH TAM	P2	71	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ NGỌC DŨNG	P2	82	1	4	40	68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG HUNG	P2	72	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	KHONG TIEN DUNG	P2	80	1	3		75	KHI	Vietnamese
9	VU THANH DUONG	P2	85-86	2	8		80	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUÂN	P2	68-69	2	14		72	DVL	Vietnamese
11	TRANVU HOAI PHONG	P2	70	1	10		60	DVL	Vietnamese
12	TRƯỜNG TÂN LỢI	P2	78-79	2	15		84	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC DINH	P2	75-76	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VIET LỘC	P2	73-74	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
15	HA XUAN THANH	P2	77	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	LE DINH HUAN	P2	81	1	4		45	KH-THAC	Vietnamese
17	LUU HONG THU	P6	02	1	8		50	DIAVATLY	Vietnamese
18	LE VIET HUY	P6	76	1	10	5	60	XAYLAP	Vietnamese
19	LE XUAN TRUONG	P6	75	1	6		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	25	195	1.151	40	18		
2	P6	3	3	24	173	5	4		
TOTAL		19	28	219	1.324	45	22		
WEIGHT KG				219	1.324	45			

GRAND TOAL: 1.588 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN